

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 3985/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 100.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng bãi ngang ven biển, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 150.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu

có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 100.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng bãi ngang ven biển, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 150.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 3. Thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực

hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên cổng, trang thông tin điện tử các cấp; bản tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và các tác phẩm được phát trên Đài Truyền thanh cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bến Tre. Riêng mua sản phẩm trưng bày cây giống, con giống, rau, củ, quả do cơ quan nhà nước thực hiện, hỗ trợ 100% giá trị sản phẩm trưng bày.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 4. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Một số nội dung chi, mức chi

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND.

c) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 5. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

3. Tư vấn trực tiếp, tư vấn và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 7. Nội dung chi khác

1. Chi hỗ trợ Hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND.

2. Các nội dung chi hỗ trợ khác thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành, gồm:

a) Nguồn kinh phí bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp;

b) Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

2. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các tổ chức, cá nhân được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN và PTNN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: NN&PTNT, TC, TP, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH Bến Tre;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, TT TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Hoàng Yến